

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 10 - 2019

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng.

2. Bà Lê Kim Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Vũ Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Seo Im S, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 181-5 Jeomchom – dong, Mungyeong – si, Gyeong Sangbuk – do – Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Do mai mối, chị và ông Seo Im S tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh và có ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn thì chị theo chồng về Hàn Quốc sinh sống. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, ngôn ngữ, tập quán, lối sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân không đạt được nên cuối năm 2013 chị trở về Việt Nam. Từ khi về Việt Nam đến nay chị không liên lạc với ông Seo Im S nữa. Nay chị yêu cầu được ly hôn với ông Seo Im S. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Tòa án tối cao Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Seo Im S, nhưng không được do địa chỉ không đúng. Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang cũng đã thực hiện việc thông báo cho ông Seo Im S biết thông qua cổng thông tin điện tử của Tòa án, Đài phát thanh và truyền hình Việt Nam kênh dành cho người nước ngoài và cơ quan ngoại giao của Việt Nam tại Hàn Quốc nhưng ông Seo Im S không đến Tòa án và cũng không gửi tài liệu, chứng cứ, văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị T cho rằng lý do chị xin ly hôn là do chị không chịu được thời tiết lạnh ở Hàn Quốc, chồng chị không muốn có con chung với chị vì chồng chị đã có hai con riêng nên chị cảm thấy tủi thân. Ngoài ra, chị T cho rằng chị và chồng đã ly hôn theo pháp luật Hàn Quốc nhưng chị không đem được tài liệu gì về Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T; về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T, có địa chỉ cư trú tại Khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang khởi kiện xin ly hôn với ông Seo Im S là người có quốc tịch Hàn Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Tòa án tối cao Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Seo Im S, nhưng Tòa án tối cao Hàn Quốc có văn bản trả lời là không tổng đạt được do địa chỉ không đúng. Chị T không cung cấp được địa chỉ chính xác của ông Seo Im S. Theo yêu cầu của chị T, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt cho ông Seo Im S thông qua cổng thông tin điện tử của Tòa án, Đài Phát thanh và truyền hình Việt Nam kênh dành cho người nước ngoài và cơ quan ngoại giao của Việt Nam tại Hàn Quốc nhưng ông Seo Im S vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Seo Im S.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và ông Seo Im S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh và có ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích T và ông Seo Im S là hợp pháp và được pháp luật Việt Nam thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ

án chị T cho rằng thời gian chung sống có nhiều bất đồng về quan điểm, ngôn ngữ và tập quán, lối sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và chị về Việt Nam từ cuối năm 2013 đến nay. Tại phiên tòa, chị T cho rằng chồng chị đã có hai con riêng, không muốn có con chung với chị nên dẫn đến mâu thuẫn. Từ khi chị T về Việt Nam đến nay thì không còn liên lạc với ông Seo Im S. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các phương thức tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Seo Im S, nhưng ông Seo Im S không đến Tòa án và cũng không gửi tài liệu, chứng cứ, văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T cho Tòa án. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và ông Seo Im S phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người ly thân đã lâu và không còn bất cứ liên lạc nào, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Seo Im S cũng không có bất cứ ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3.2] Tại phiên tòa, chị T cho rằng chị và chồng đã ly hôn khi chị còn ở Hàn Quốc. Tuy nhiên, chị T không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí theo quy định.

[6] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 37, Điều 147, Điều 153, Điều 227, Điều 470, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Seo Im S.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Bích T đã nộp theo biên lai thu số 0020029 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí (chị T đã nộp xong).

4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Chị T đã nộp xong theo biên lai thu số 0000151 ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh